

2. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư như phụ lục của quy hoạch

Điều 2. UBND huyện Hòa Bình chịu trách nhiệm

1. Căn cứ Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội được duyệt, nghiên cứu cụ thể hóa các mục tiêu và triển khai thực hiện bằng các chương trình phát triển kinh tế-xã hội, bảo vệ môi trường, các dự án đầu tư, xây dựng các kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn để tổ chức quản lý và điều hành đạt hiệu quả. Trong quá trình thực hiện quy hoạch phải thường xuyên cập nhật tình hình và có những điều chỉnh kịp thời khi cần thiết.

2. Chủ động phối hợp với các Sở, ngành cấp tỉnh nghiên cứu và kiến nghị với Chủ tịch UBND tỉnh ban hành các cơ chế chính sách phù hợp với điều kiện của huyện nhằm khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh dịch vụ, mở rộng thị trường, bảo vệ an ninh quốc phòng..., sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn thực hiện các mục tiêu kinh tế-xã hội nêu tại Điều 1.

3. Đầu mạnh đổi mới tổ chức, quản lý và cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính, tạo môi trường thuận lợi khuyến khích đầu tư trong và ngoài nước, phát huy mạnh mẽ tiềm năng, thế mạnh của huyện.

4. Chỉ đạo đầu tư tập trung, có trọng điểm để nhanh chóng mang lại hiệu quả thiết thực, ưu tiên đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội tạo động lực phát triển các ngành và các lĩnh vực.

5. Nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy quản lý các cấp cùng với việc đổi mới công tác sắp xếp cán bộ chủ chốt, xây dựng hoàn thiện hệ thống pháp chế, chính sách, cụ thể hóa việc phân công phân cấp, chấn chỉnh kỷ cương kỷ luật hành chính, đề cao trách nhiệm của cá nhân, tổ chức bộ máy quản lý.

Điều 3. Các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm chủ động phối hợp với UBND huyện Hòa Bình cụ thể hóa Quy hoạch ngành đã được phê duyệt bằng các chương trình và các dự án đầu tư trên địa bàn huyện để tạo điều kiện cho huyện đạt được các mục tiêu đã đề ra.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Hòa Bình, các Thủ trưởng Sở, ban, ngành cấp tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nơi nhận:

- Như điều 4;
- TT Tỉnh ủy (*báo cáo*);
- TT HĐND tỉnh (*báo cáo*);
- Bí thư Huyện ủy Hòa Bình;
- CT, các PCT;
- CVP, PVP TH;
- Lưu VP, T (QH10).

Phạm Hoàng Bé

nằm trên Quốc Lộ 1A, cụm công nghiệp 50 ha tại ấp Vĩnh Lạc xã Vĩnh Thịnh. Các ngành công nghiệp chủ đạo của cụm sẽ là sản xuất các sản phẩm đầu vào cho sản xuất nông nghiệp, đánh bắt, nuôi trồng thuỷ hải sản (*lưới, ngư cụ...*). Để khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn, các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp và thủ công mỹ nghệ cần thiết giành những diện tích thích đáng từ 5 đến 10 ha cho việc tổ chức sản xuất công nghiệp dạng làng nghề.

3. Đô thị, nông thôn và dân cư

Dự báo trong thời kỳ đến năm 2020 nhịp độ đô thị hóa của huyện sẽ ở mức cao, bình quân khoảng 5-6%/năm trong 12 năm 2009-2020, những năm 2011-2020 thấp hơn, khoảng 4%/năm. Tỷ lệ dân số các đô thị (*thị trấn*) khoảng 19% vào năm 2010, 27-28% vào năm 2015 và 32-33% vào năm 2020. Dự báo đến năm 2010 khu đô thị Hòa Bình sẽ có quy mô dân số khoảng 19-20 ngàn người và năm 2020 có thể đạt 27-28 ngàn người (*tăng tự nhiên, cơ học và vãng lai*). Mật độ khu trung tâm đô thị có thể đạt từ 1.300 đến 1.500 người/km². Dân số đô thị phần còn lại trong huyện khoảng 13-14 ngàn người sẽ sống tại các thị trấn mới.

Thị trấn huyện lỵ Hòa Bình: thị trấn Hòa Bình nằm không xa thị xã Bạc Liêu (*khoảng trên 10 km*). Trong tương lai gần khoảng không gian giữa hai trung tâm này có thể nhanh chóng được đô thị hóa, tạo thành một đô thị vệ tinh có các mối quan hệ kinh tế, xã hội chặt chẽ với thị xã Bạc Liêu. Các khu dịch vụ thương mại, khu văn hóa thể thao tổng hợp, các khu dân cư, khu cụm công nghiệp với nhiều ngành công nghiệp không truyền thống sẽ nhanh chóng hình thành và phát triển.

Dự kiến thành lập 2 thị trấn mới là Cái Cùng (*xã Vĩnh Thịnh*) và Vĩnh Mỹ B, nhằm hình thành các cực phát triển làm động lực thúc đẩy các hoạt động kinh tế, thương mại và đầu tư trên địa bàn toàn huyện (*mỗi thị trấn có một cụm công nghiệp 50 ha*). Kết hợp với việc bố trí không gian công nghiệp ở trên, thị trấn Vĩnh Mỹ B có nhiều chức năng là trung tâm dịch vụ thương mại và tiểu thủ công nghiệp. Thị trấn Cái Cùng sẽ là trung tâm vùng động lực phát triển nghề cá và dịch vụ nghề cá và phát triển du lịch ven biển.

VI. CÁC CHƯƠNG TRÌNH DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

1. Xây dựng và luận chứng các chương trình phát triển và các dự án ưu tiên đầu tư

- Chương trình phát triển toàn diện nông- lâm- ngư nghiệp
- Chương trình phát triển công nghiệp và dịch vụ phục vụ sản xuất
- Chương trình thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư cho phát triển kinh tế-xã hội.
- Chương trình xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá
- Chương trình giải quyết việc làm xóa đói giảm nghèo
- Chương trình nâng cao chất lượng đời sống văn hoá nhân dân
- Chương trình an ninh, quốc phòng
- Chương trình phát triển bền vững

5. Định hướng khoa học công nghệ và bảo vệ môi trường

Các cơ sở sản xuất mới xây dựng trên địa bàn cần có công nghệ sạch hoặc trang bị thiết bị giám thiều ô nhiễm, đảm bảo xử lý chất thải tập trung đạt tiêu chuẩn về môi trường. Phấn đấu năm 2015 thu gom và xử lý tập trung trên 85% chất thải rắn, 60% chất thải nguy hại, 100% chất thải bệnh viện cần được xử lý.

6. Tăng cường an ninh quốc phòng

Tiếp tục xây dựng nền quốc phòng và thế trận quốc phòng toàn dân, không ngừng nâng cao sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ trang và phát huy phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc, thường xuyên nâng cao cảnh giác cách mạng, chủ động ngăn ngừa và đối phó kịp thời với các tình huống phức tạp, ngăn ngừa và xử lý kịp thời những điểm nóng. Thực hiện có hiệu quả chương trình phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội, giảm thiểu tai nạn giao thông.

Kết hợp chặt chẽ xây dựng kinh tế với quốc phòng an ninh, phát huy vai trò của lực lượng vũ trang tham gia phòng chống và khắc phục thiên tai.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, tư vấn pháp lý và công tác thi hành án gắn với việc giải quyết kịp thời những khiếu nại, tố cáo của công dân. Đẩy mạnh các biện pháp chống tham nhũng tiêu cực, xử lý nghiêm minh các vụ việc tiêu cực tham nhũng.

IV. ĐỊNH HƯỚNG TỔ CHỨC KHÔNG GIAN KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Phân vùng sản xuất nông lâm nghiệp và thủy sản

Để tập trung chỉ đạo, dự kiến phân chia huyện Hòa Bình thành 2 vùng sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp chính như sau:

a, Vùng Bắc Quốc lộ 1A: Đây là vùng được quy hoạch ngọt hóa, với tổng diện tích tự nhiên là 14370 ha, gồm thị trấn Hòa Bình diện tích 28 km², xã Minh Diệu 41 km², xã Vĩnh Bình 39 km², xã Vĩnh Mỹ B 36 km². Các công trình thủy lợi xây dựng trong thời kỳ từ 1997 đến nay đang được quản lý, khai thác và phát huy hiệu quả. Các kênh cấp II về cơ bản đã hoàn thành theo quy hoạch thủy lợi trước đây. Hệ thống thủy nông nội đồng được địa phương và nhân dân đầu tư tương đối hoàn chỉnh. Đây sẽ là vùng đảm bảo 90% diện tích đất nông nghiệp, 91% diện tích canh tác lúa, 65% rau đậu, 75% cây công nghiệp hàng năm và 77% cây công nghiệp lâu năm. Đây cũng là địa bàn ổn định mô hình canh tác 2 vụ lúa-màu (*hấp, đậu đỗ, bông vải...*) và các loại cây hàng năm khác.

b, Vùng Nam Quốc lộ 1A: Nam quốc lộ 1A thuộc địa bàn huyện Hòa Bình có diện tích đất tự nhiên là 26794 ha. Đây là khu vực có diện tích nuôi tôm công nghiệp và bán công nghiệp đứng thứ hai trong tỉnh, sau huyện Đông Hải. Từ nay đến 2010 ổn định diện tích chuyên tôm khoảng 17250-17260 ha với khoảng 11800 ha nuôi công nghiệp và bán công nghiệp, còn lại là quặng canh cài tiến, cùng với 165 ha nuôi artemia, 50 ha cua, 3000 ha bãi bồi nuôi nghêu, sò. Đến năm 2010, diện tích trồng lúa dự kiến còn khoảng 1000 ha, tập trung ở xã Vĩnh Mỹ A (*lúa chất lượng cao*).

2. Không gian công nghiệp

Kêu gọi đầu tư khu công nghiệp Vĩnh Hậu quy mô 700 ha đi liền với cảng Biển đa năng, xúc tiến xây dựng cụm công nghiệp 50 ha tại ấp 14 xã Vĩnh Mỹ B,

các mục tiêu về văn hóa thể thao khác cần tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, đưa văn hóa về cơ sở để vận động toàn dân xây dựng cuộc sống văn hóa mới. Tăng cường quản lý Nhà nước đối với các hoạt động văn hóa, nghệ thuật. Hướng dẫn các cơ sở kinh doanh dịch vụ văn hóa thực hiện tốt các quy định của Nhà nước.

Các Đài truyền thanh huyện, xã ngoài việc chuyển tiếp Đài PTTH tỉnh, Đài Tiếng nói Việt Nam cần nâng cao chất lượng chương trình truyền thanh, tập trung thông tin hướng dẫn thực hiện chính sách pháp luật và đẩy mạnh phát triển kinh tế xã hội, nhất là đối với nông nghiệp và nông thôn. Tham gia đấu tranh bài trừ các tệ nạn xã hội, động viên phong trào thi đua sản xuất, xây dựng nếp sống gia đình văn hóa.

Đến năm 2010 các xã đều có trung tâm sinh hoạt văn hóa, sân thể thao văn hóa tổng hợp, các điểm vui chơi giải trí. Khẩn trương đầu tư một số công trình chủ yếu của khu văn hóa huyện như nhà văn hóa, thư viện, phòng truyền thống, triển khai đầu tư xây dựng sân vận động cấp huyện.

Đẩy mạnh phong trào luyện tập thể dục trong mọi tầng lớp dân cư, phát triển các phong trào thể thao quần chúng, nhất là thể dục thể thao quần chúng ở xã, khuyến khích và thường xuyên tổ chức phong trào thi đấu thể thao của nông dân nông thôn, coi đây là nền tảng cơ bản để phát triển sự nghiệp thể dục thể thao của huyện, đẩy mạnh hoạt động thể dục thể thao tại các trường học, cơ quan Nhà nước.

d. Các vấn đề xã hội khác

Tiếp tục thực hiện các chương trình giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo và các vấn đề xã hội bức xúc. Tăng nhanh số người được giải quyết việc làm thông qua phát triển kinh tế dịch vụ, chuyển đổi cơ cấu lao động, nhất là ở nông thôn, khuyến khích chuyển mạnh lao động nông nghiệp sang làm dịch vụ, nghề thủ công... Phấn đấu giảm tỷ lệ thất nghiệp đối với lao động trong độ tuổi ở thành thị xuống dưới 5% vào năm 2015 và 2-3% vào những năm tiếp theo. Khuyến khích và chủ động tổ chức các dịch vụ môi giới tìm việc làm, chủ động bồi dưỡng hướng nghiệp cho lao động để có thể tham gia chương trình xuất khẩu lao động để tăng thu nhập cho người lao động, giải quyết việc làm và cũng là hình thức để người lao động tự tích lũy kỹ thuật, kiến thức quản lý. Đàm bảo đến năm 2012 không còn hộ nghèo theo tiêu chí hiện nay.

Huy động các nguồn lực, các tổ chức xã hội tham gia thực hiện phong trào xây dựng nhà ở cho người nghèo. Phấn đấu tỷ lệ nhà ở kiên cố, bán kiên cố và nhà ở bằng khung gỗ lâu bền từ 70% hiện nay lên 90% vào năm 2010 và 100% vào năm 2020.

Tiếp tục thực hiện pháp lệnh ưu đãi người có công với nước, giải quyết dứt điểm những trường hợp tồn đọng trong diện chính sách. Đẩy mạnh xã hội hóa công tác đền ơn đáp nghĩa. Phát triển kinh tế xã hội vùng có đồng bào dân tộc Khmer, có các chính sách hỗ trợ phù hợp như giảm miễn đóng góp xây dựng kết cấu hạ tầng, trợ giá trợ cước, chế độ đào tạo theo cử tuyển, phát triển văn hóa truyền thống dân tộc.

Năm 2010, nâng số máy điện thoại trên 100 dân lên 12-15 máy (*mục tiêu của tỉnh từ 12-15 máy, cả nước là 15-18 máy điện thoại/ 100 người dân vào năm 2010*) và 2020 khoảng 50 máy/100 dân.

4. Các lĩnh vực xã hội

a, Về giáo dục đào tạo

Phản dấu tăng tỷ lệ học sinh tiểu học đi học đúng tuổi lên 100% vào năm 2010, cao hơn mức phản dấu chung của Đồng bằng sông Cửu long (95%). Dự báo số học sinh tiểu học sẽ giảm từ 9.544 học sinh năm học 2008-2009 xuống khoảng 8.700 học sinh vào 2010 và xuống khoảng 7.100 học sinh vào năm 2020. Phản dấu tỷ lệ học sinh tiểu học vào trung học cơ sở đạt 100% vào năm 2010. Số học sinh trung học cơ sở năm 2010 dự kiến khoảng 5.300 em và năm 2020 còn từ 5.100- 5.200 em. Dảm bảo tỷ lệ phổ cập giáo dục phổ thông cơ sở khoảng 80% vào năm 2010. Học sinh bậc phổ thông trung học tăng từ 2.349 em năm học 2008-2009 lên 2.700- 2.800 em năm 2010 và 3.200- 3.300 em năm 2020.

Về cơ sở trường lớp, nhằm đảm bảo tỷ lệ chuẩn về giáo dục dự kiến duy trì khoảng 17 trường tiểu học, 8 trường trung học cơ sở và 3 trường trung học phổ thông và 13-14 trường mẫu giáo.

Phát triển các hình thức đào tạo nghề, từng bước nâng tỷ lệ lao động xã hội qua đào tạo. Dự kiến tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng từ 28% năm 2008 lên 31-32% năm 2010, 40-41% năm 2015 và 54-55% vào năm 2020, đào tạo nghề có bằng cấp từ công nhân kỹ thuật trở lên tương ứng qua các năm đạt trên 15%, 28% và 40-45%.

b, Y tế - chăm sóc sức khỏe nhân dân

Để thực hiện những mục tiêu về y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân cần tập trung giải quyết các vấn đề sau:

- Tiếp tục cung cấp và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở, đây là tuyến y tế trực tiếp gần dân nhất đảm bảo cho mọi người dân được chăm sóc sức khỏe với chi phí thấp. Vì vậy cần tăng cường về cán bộ, trang thiết bị y tế cho tuyến cơ sở để các trạm y tế xã có đủ khả năng phát hiện và điều trị kịp thời các bệnh theo tuyến kỹ thuật, góp phần giảm tình trạng quá tải của các bệnh viện tuyến trên.

- Đẩy mạnh công tác y tế dự phòng, nâng cao sức khỏe. Tiếp tục thực hiện các mục tiêu chương trình quốc gia thanh toán một số bệnh xã hội và bệnh dịch nguy hiểm, chủ động công tác phòng chống dịch bệnh, vệ sinh môi trường, giám sát dịch tễ, tăng cường quản lý chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm... để kết hợp chặt chẽ giữa điều trị với dự phòng.

- Kế thừa và phát triển y học dân tộc, khuyến khích phát triển y học cổ truyền, thực hiện Đông - Tây y kết hợp.

- Phối hợp tăng cường chương trình nước sạch sinh hoạt, nhất là nông thôn. Tuyên truyền phổ biến và vận động nhân dân thực hiện nếp sống vệ sinh.

- Đầu tư nâng cấp, mở rộng các Bệnh viện đa khoa huyện, nâng cấp và tăng cường trang thiết bị y tế cho các trạm y tế xã.

c, Văn hoá thông tin, thể thao

Để đảm bảo 75% số hộ gia đình được công nhận hộ văn hoá vào năm 2010 (*hiện nay là 66% (14.091/21.149)*), trở thành huyện văn hoá trước năm 2015 và

2. Công nghiệp-TTCN và Xây dựng

- Dự kiến, giá trị sản xuất công nghiệp và xây dựng tăng từ 792,2 tỷ đồng (*giá hiện hành*) năm 2008 lên 1.243,4 tỷ đồng năm 2010, 3.848-3.850 tỷ đồng năm 2015 và 10.477-10.480 tỷ năm 2020. Mức tăng trưởng công nghiệp là 15,6%/năm thời kỳ 2009-2010, 17%/năm thời kỳ 2011-2015 và 14%/năm thời kỳ 2016-2020.

- Trong giai đoạn 2011-2020, để có thể duy trì tốc độ tăng trưởng cao cho nền kinh tế, nâng cao thu nhập cho dân cư ngoài những sản phẩm công nghiệp sản xuất dựa vào các nguồn nguyên liệu địa phương hiện có cần kêu gọi đầu tư những ngành sản phẩm mới như chế biến trái cây, chế biến thịt gia súc, gia cầm, các ngành dệt may, sản xuất đồ da, lắp ráp điện tử, thiết bị văn phòng, thiết bị cơ khí chính xác và các loại sản phẩm công nghệ cao khác. Đây là những ngành, trên quy mô cả nước đang mang lại đóng góp cao cho tăng trưởng kinh tế.

- Giá trị sản xuất của ngành xây dựng sẽ tăng từ khoảng 140 tỷ đồng (*tính theo giá hiện hành*) năm 2010 lên trên 540 tỷ đồng năm 2015 và 1.470 tỷ đồng đồng năm 2020, chiếm khoảng 14-15% trong cơ cấu giá trị sản xuất khu vực công nghiệp – xây dựng và khoảng 25-35% tổng vốn đầu tư xã hội.

3. Khu vực dịch vụ

Giá trị sản xuất khu vực dịch vụ tính bằng giá so sánh 94 tăng từ 218 tỷ đồng năm 2008 lên 546 tỷ đồng năm 2010, 1.440 tỷ đồng năm 2015 và 3.286 tỷ đồng năm 2020. Tăng trưởng bình quân đạt 18%/năm trong 2 năm 2009-2010, 17%/năm trong giai đoạn 2011-2015 và 13%/năm trong năm năm cuối 2016-2020. Tỷ trọng kinh tế dịch vụ trong nền kinh tế tăng từ 10,4% hiện nay lên 20% năm 2010 và khoảng 31% năm 2020.

a, *Đối với ngành thương mại, dịch vụ và du lịch*

Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn tăng từ 875,8 tỷ đồng hiện nay lên 8.300-8.400 tỷ đồng năm 2020, tăng bình quân hàng năm 17-18% thời kỳ 2009-2010, khoảng 19-20% trong giai đoạn 2011-2015 và 17-18% giai đoạn 2016-2020. Số cơ sở thương mại, dịch vụ, du lịch, khách sạn, nhà hàng sẽ tăng từ 3274 hiện nay lên 4.100- 4.200 cơ sở vào năm 2020.

Huy động các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng các chợ thương mại bao gồm trung tâm thương mại khu vực thị trấn Hòa Bình, cùng với các chợ trung tâm xã (*chủ yếu là chợ quy mô loại 3 có số hộ kinh doanh dưới 100 hộ*). Nâng cấp, trùng tu một số cơ sở du lịch văn hóa, xây dựng các tuyến du lịch, các khu du lịch sinh thái tại các xã ven biển Vĩnh Hậu, Vĩnh Thịnh, trước hết là khu du lịch sinh thái 80 ha ở Vĩnh Thịnh.

b, *Dịch vụ vận tải và bưu điện*

Dự báo giá trị sản xuất ngành vận tải và bưu điện tăng bình quân 22-23%/năm giai đoạn 2009-2010, 8-9%/năm giai đoạn 2011-2015, 12-13%/năm cho giai đoạn 2016-2020 và đạt 85-86 tỷ đồng giá trị sản xuất vào năm 2010 và 590-600 tỷ đồng năm 2020 (*giá so sánh 94*). Khối lượng hàng hóa luân chuyển năm 2010 đạt trên 70.000-71.000 nghìn tấn/km, luân chuyển hành khách trên 53-54 triệu người/km và năm 2020 tương ứng là 210.000 nghìn tấn/km và 138-140 triệu KH/km.

sánh 94: 1.298- 1.300 tỷ đồng, 1.520- 1.530 tỷ đồng và 1.830- 1.840 tỷ đồng. Nhịp độ tăng trưởng bình quân hàng năm trong giai đoạn 2009- 2020 khoảng 5%/năm.

- Năm 2010, tổng diện tích gieo trồng lúa đạt khoảng 23.600-23.650 ha, năm 2015 lên khoảng 24.700-24.750 ha và năm 2020 là 25.000 ha, tương ứng sản lượng lúa đạt trên 121,5 ngàn tấn vào năm 2010, 127,1 ngàn tấn vào năm 2015 và 128,5 ngàn tấn năm 2020; Sản lượng mì tăng bình quân mỗi năm từ 130 đến 150 tấn. Ngò tăng khoảng 50 tấn mỗi năm, dự kiến năm 2020 đạt 1750-1760 tấn.

- Cây ăn quả: Dự kiến diện tích cây lâu năm (*phần lớn là cây ăn quả*) sẽ tăng lên khoảng 1.200 ha năm 2015 và sau đó giảm xuống 1.000 ha vào năm 2020. Sản lượng trái cây dự kiến đạt 4-5 ngàn tấn năm 2010, 9- 10 ngàn tấn năm 2015 và 11- 15 ngàn tấn năm 2020.

- Rau màu thực phẩm: Rau đậu là thế mạnh của Hòa Bình. Dự kiến sản lượng rau đậu sẽ tăng bình quân khoảng 7%/năm trong các năm 2009- 2020, đạt 32-33 ngàn tấn năm 2010, 45-46 ngàn tấn năm 2015 và 61-62 ngàn tấn năm 2020. Ngoài các loại rau truyền thống nên phát triển các loại rau chất lượng cao, có giá trị dinh dưỡng, triển vọng về thị trường tiêu thụ, tận thu sử dụng được các phụ phẩm nông nghiệp để trồng nấm rơm, nấm mèo. Quan tâm hỗ trợ và quy hoạch vùng rau thực phẩm hàng hoá tại các vùng ven thị trấn và khu vực giồng cát.

- Chăn nuôi: Phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm theo hướng cải tạo giống có năng suất và chất lượng cao, phát triển chăn nuôi trong các hộ gia đình là chính. Dự kiến năm 2020 đàn bò trên 370-380 con, đàn heo đạt 32-33 ngàn con năm 2010, 35-36 ngàn con năm 2015 và khoảng 39-40 ngàn con năm 2020; đàn gia cầm 320 ngàn con năm 2010, 400 ngàn con năm 2015 và 490-500 ngàn con năm 2020. Nâng tỷ trọng chăn nuôi trong giá trị sản xuất nông nghiệp từ 17,6% năm 2008 lên 24-25% năm 2010, 30-31% năm 2015 và 34-35% năm 2020.

- Thủy sản: Phát triển nuôi tôm nước lợ, nước ngọt, cá đồng, tôm càng xanh, trước tiên phát triển các mô hình nuôi tôm-cá sinh thái bền vững, tạo sản phẩm có khả năng tiêu thụ trong nước và xuất khẩu cao, đặc biệt là các mô hình đang có ưu thế hiện nay như mô hình tôm-lúa; tôm-rừng, tôm-cá, vườn-cá, da dạng hóa các loài và giống thủy sản nuôi trồng. Dự kiến giá trị sản xuất của ngành thủy sản sẽ tăng từ 935,4 tỷ đồng (*giá so sánh 94*) năm 2008 lên 1.050-1.060 tỷ năm 2010, khoảng 1.450-1.460 tỷ đồng năm 2015 và 1.580-1.590 tỷ đồng vào năm 2020. Sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản tăng từ khoảng 28,6 ngàn tấn năm 2008 lên khoảng 29-30 ngàn tấn năm 2010, 34-35 ngàn tấn năm 2015 và khoảng 39-40 ngàn tấn năm 2020, trong đó tôm chiếm từ 48-52%.

- Ngành nghề nông thôn: Cùng với việc đầu tư phát triển các cụm công nghiệp, làng nghề cần đẩy mạnh phát triển các ngành nghề nông thôn như tiểu thủ công nghiệp, thủ công mỹ nghệ, dịch vụ nông thôn không chỉ nâng cao giá trị của các nguyên liệu vật liệu tại chỗ, tăng thu nhập cho dân cư mà còn không làm cản thăng quá trình đô thị hóa, tạo việc làm ở địa phương, đáp ứng nhu cầu thị trường trong ngoài huyện, gắn kết chặt chẽ kinh tế nông thôn với kinh tế thành thị và các khu công nghiệp.

- Tích lũy nội bộ nền kinh tế so với GDP năm 2010 đạt 19-20%, năm 2015 đạt 21-22% và năm 2020 đạt 25-26%.

- Cơ cấu kinh tế năm 2010: Nông- lâm- ngư nghiệp 61-62%, Công nghiệp- xây dựng 15-16%, dịch vụ 23-24%; năm 2015 tương ứng là 43-44%, 28-29% và 34-35%; năm 2020 là 28-29%, 37-38% và 35-36%.

- GDP bình quân đầu người tính bằng giá hiện hành đạt năm 2010 là 23- 24 triệu đồng, năm 2015 là 46-47 triệu đồng và năm 2020 đạt 88-90 triệu đồng.

- Thu ngân sách năm 2010 đạt khoảng 70 tỷ đồng, năm 2015 khoảng 174-175 tỷ đồng và năm 2020 đạt khoảng 435- 440 tỷ đồng.

b, Về xã hội và môi trường

- Nhịp độ tăng dân số đến năm 2010 còn khoảng 1,14-1,15%, năm 2015 khoảng 1% và năm 2020 khoảng 0,8-0,9% .

- Dẩy mạnh tốc độ đô thị hóa, tỷ lệ dân số đô thị năm 2015 chiếm khoảng 27-28% và năm 2020 là 31-32%.

- Thất nghiệp ở thành thị dưới 5% vào năm 2010 và dưới 3% năm 2015 và 2020, quý thời gian lao động được sử dụng ở nông thôn năm 2015 khoảng 85-90% và năm 2020 trên 90-95%.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề năm 2015 khoảng 40-41% năm 2020 khoảng 54-55%.

- Phấn đấu năm 2015 số xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về phổ cập trung học cơ sở là 80%; đến năm 2020 đưa giáo dục, đào tạo và dạy nghề bằng và vượt các chỉ số phát triển của các ngành học, bậc học bình quân chung của tỉnh và của vùng ĐBSCL.

- Giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng xuống dưới 15% năm 2015 và 10% năm 2020; từ năm 2010 số trẻ được tiêm đủ 8-10 loại vaccine đạt 95%, 100% số xã được công nhận đạt chuẩn quốc gia về y tế.

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân mỗi năm từ 1,5-2%.

- Đến năm 2015 có trên 90% dân số đô thị, trên 85% dân số nông thôn và đến năm 2020 là 100% dân số được dùng nước hợp vệ sinh.

- Đến năm 2020 có 95% khóm áp được công nhận đạt chuẩn về văn hóa,

- Phấn đấu đến năm 2015 có 100% cơ sở sản xuất công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn.

- Đến năm 2015 tỷ lệ thu gom lý rác thải 85% và năm 2020 trên 95%.

c, Về an ninh, quốc phòng

Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội, ngoài mục tiêu phục vụ phát triển kinh tế cần phải gắn với quốc phòng, an ninh; đẩy mạnh công tác giáo dục quần chúng chấp hành pháp luật, nếp sống văn hóa, đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội, coi đây là tiêu chuẩn không thể thiếu của môi trường đầu tư hấp dẫn.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH LĨNH VỰC

1. Nông - lâm - ngư nghiệp và kinh tế nông thôn

- Phấn đấu tổng giá trị sản xuất nông- lâm- ngư nghiệp năm 2010 đạt khoảng 2.972- 2.980 tỷ đồng, năm 2015 đạt khoảng 4.440- 4.450 tỷ đồng và năm 2020 khoảng 6.600- 6.650 tỷ đồng (*giá hiện hành*), hay tương ứng tính theo giá so

3. Tăng cường tập trung và tích tụ sản xuất, khai thác hiệu quả những lợi thế của huyện

Thực tế những năm qua cho thấy cùng với trình độ phát triển sản xuất và tích luỹ vốn tăng lên, huyện Hòa Bình nói riêng và tỉnh Bạc Liêu nói chung đã lần lượt chuyển từ khai thác những lợi thế này sang những lợi thế khác của địa phương, duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế cao liên tục trong nhiều năm. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn xã hội, mở rộng quy mô sản xuất, làm sâu sắc hơn hệ thống phân công lao động xã hội, tạo cơ hội và khả năng khai thác những cơ hội phát triển mới, nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người dân. Song song với tích tụ vốn trong sản xuất công nghiệp và dịch vụ, đất đai trong nông nghiệp, tạo điều kiện cho sản xuất nông nghiệp, thủy sản phát triển, tăng thu nhập cho người lao động.

4. Quan điểm phát triển bền vững, kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ và tái tạo môi trường sinh thái

Phát triển nhanh, hiệu quả, bền vững và toàn diện nền kinh tế - xã hội của huyện được xem là phương tiện để giải quyết các mục tiêu về phát triển kinh tế và xã hội, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân trong huyện; lấy hiệu quả kinh tế - xã hội, chất lượng cuộc sống và phát triển nguồn nhân lực làm tiêu chuẩn đánh giá và lựa chọn phương hướng phát triển.

5. Quan điểm kết hợp ngay từ đầu phát triển kinh tế với quốc phòng an ninh

Là huyện ven biển, Hòa Bình có vị trí quan trọng ở đồng bằng Sông Cửu Long nói riêng và khu vực ven biển phía Đông nước ta nói chung. Liên kề thị xã Bạc Liêu và với biển, án ngữ nhiều tuyến đường bộ và đường thủy quan trọng của quốc gia và vùng DBSCI, Hòa Bình được xem như một vị trí xung yếu trong hệ thống phòng thủ chung của cả nước. Trong bối cảnh quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội cần xem xét đầy đủ các yếu tố về an ninh, quốc phòng, đặc biệt trong việc bố trí các khu đô thị, các hạng mục công trình quan trọng, các cơ sở sản xuất kinh doanh và hệ thống kết cấu hạ tầng nói chung, đồng thời hướng tới tạo điều kiện giao lưu kinh tế thuận lợi với bên ngoài.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát

Song song với việc triệt để khai thác khu vực I, tạo điều kiện phát triển các ngành công nghiệp chế biến, công nghiệp Hòa Bình cũng cần nhanh chóng chuyển dịch sang các ngành công nghiệp và dịch vụ mới, góp phần cùng cả tỉnh đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp vào năm 2020. Bảo đảm hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội với an ninh quốc phòng và phát triển bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể cho thời kỳ đến năm 2020

a, Về kinh tế

- GDP tăng trưởng với nhịp độ bình quân 11-12%/năm, trong đó các năm 2009- 2010 khoảng 13-14%/năm, năm 2011-2015 khoảng 11-12% / năm và năm 2016-2020 khoảng 10-11%/năm.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC LIÊU**

Số : 3332/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bạc Liêu, ngày 01 tháng 12 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội
huyện Hòa Bình đến năm 2020

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

437
02/12/09

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND năm 2003;

Căn cứ số Nghị định 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 và Nghị định số 04/2008/ ND-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý các Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội;

Xét đề nghị của UBND huyện Hòa bình tại Tờ trình số 114/TTr-UBND ngày 13/11/2009; văn bản số 12/HĐTD-BCTD ngày 20/11 /2009 của Hội đồng thẩm định quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội huyện Hòa Bình đến năm 2020 về Báo cáo thẩm định Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội huyện Hòa Bình đến năm 2020 ;

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Huyện Hòa Bình đến năm 2020 với những nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Quan điểm phát triển đồng bộ kinh tế- xã hội huyện Hòa Bình với thị xã Bạc Liêu và các địa bàn lân cận

Để phát triển với nhịp độ cao, thực hiện thành công những mục tiêu đặt ra, ngoài huy động các nguồn tích lũy tại chỗ, Hòa Bình cần khai thác tốt những lợi thế do liên kết kinh tế với thị xã Bạc Liêu và các địa bàn lân cận mang lại. Các hoạt động sản xuất xã hội trên địa bàn huyện Hòa Bình hoàn toàn có thể lợi dụng những thuận lợi về vị trí địa lý kinh tế và các điều kiện tự nhiên khác để khai thác và tận dụng các nguồn lực từ bên ngoài, thông qua các cơ hội phát triển từ các đề án liên quan của thị xã nói riêng, trong tỉnh và trong vùng nói chung.

2. Quan điểm phát huy tối đa và hài hòa những lợi thế và cơ hội, giảm thiểu những hạn chế và thách thức

Tận dụng những cơ hội phát triển từ ngoại lực để phát huy sức mạnh của nội lực, chỉ có nguồn nội lực mạnh mẽ mới có điều kiện tiếp thu các nguồn vốn, kỹ thuật công nghệ và kinh nghiệm quản lý từ bên ngoài và từng bước chuyển hóa thành nguồn nội lực mới, củng cố vị thế kinh tế và khả năng phát triển bền vững của huyện. Hội nhập, thực hiện các cam kết có điều kiện, chấp nhận thách thức từ cạnh tranh, du nhập các sản phẩm, công nghệ không phù hợp cho nền sản xuất, ngăn chặn sự du nhập văn hoá, gây tác hại cho quá trình phát triển bền vững, đặc biệt là với môi trường sinh thái và các vấn đề xã hội .v.v..